

Số: 363 /2022/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 19 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 14 kiệt 49 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Phan Văn M, sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 14 kiệt 49 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Phan Văn M.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Phan Văn M cùng công nhận: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Văn Minh Q, sinh ngày 24/01/2004; Phan Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/3/2009. Hiện cháu Q đã trưởng thành nên cả hai không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng, hai bên đương sự thoả thuận giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép cản trở.

b. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Phan Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn là 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Phan Văn M phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị T tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số AA/2021/0000864 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T được nhận lại 150.000đ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Vĩnh Ninh, Huế;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú